

**SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT PHÚ YÊN  
CHI CỤC THÚ Y**



**BÁO CÁO TỔNG KẾT ĐỀ TÀI**

**TÌNH HÌNH NHIỆM GIUN SÁN TRÊN BÒ Ở PHÚ YÊN  
VÀ HIỆU LỰC MỘT SỐ LOẠI THUỐC TÂY GIUN SÁN TRÊN BÒ**

1. **Cơ quan chủ quản** : Sở Khoa học và Công nghệ Phú Yên
2. **Cơ quan chủ trì** : Chi cục Thú y Phú Yên
3. **Chủ nhiệm đề tài** : Đặng Minh Nho, Bác sĩ Thú y
4. **Tham gia nghiên cứu:**
  - Nguyễn Minh Hoà - Bác sĩ Thú y Chi cục Thú y Phú Yên
  - Tạ Quang Sâm - Bác sĩ Thú y Chi cục Thú y Phú Yên
  - Huỳnh Văn Nhân - Kế toán đề tài Chi cục Thú y Phú Yên
  - Các trạm Thú y huyện, thành phố

*Tuy Hòa, ngày 15 tháng 11 năm 2006*

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

**CHI CỤC TRƯỞNG**



**Đặng Minh Nho**

**Nguyễn Minh Hòa**

# MỤC LỤC

## I. Phần 1: Thông tin chung về đề tài

## II. Phần 2: Nội dung nghiên cứu đề tài

I. Đặt vấn đề .....trang 4

II. Mục tiêu đề tài.....trang 4

III. Nội dung nghiên cứu.....trang 5-7

1. Nội dung 1: Điều tra tỷ lệ nhiễm giun sán trên bò bằng mổ khám trang 8 – 13.

2. Nội dung 2: Điều tra tỷ lệ nhiễm giun sán trên bò bằng xét nghiệm phân trang 14 – 19.

3. Nội dung 3: Thử nghiệm một số loại thuốc trang 19 – 20.

3.4 Phương pháp nghiên cứu tiếp cận đề tài

3.4.1 Mổ khám

3.4.2 Xét nghiệm định tính

3.4.3 Xét nghiệm định lượng

3.4.4 Phương pháp xử lý số liệu

## III. Phần 3: Kết quả nghiên cứu.....trang 8-20

1. Nội dung 1 :

1.1 Phân loại định danh giun sán trang 8 -9.

1.2 Tỷ lệ nhiễm và cường độ nhiễm giun sán trên bò mổ khám  
trang 9 -10.

1.3 Tỷ lệ nhiễm phân theo nhóm tuổi trang 11 – 13.

1.4 Triệu chứng bệnh tích bò nhiễm giun sán trang 12

2. Nội dung 2 :

2.1 Tỷ lệ nhiễm theo loài giun sán trang 14 – 15.

2.2 Tỷ lệ nhiễm theo nhóm tuổi bò trang 15 – 16.

2.3 Tỷ lệ nhiễm theo khu vực trang 16 - 19

3. Nội dung 3:

Hiệu lực một số loại thuốc tẩy ký sinh trùng trang 19 – 20.

## IV. Kết luận và đề nghị .....trang 20-21

A. Kết luận

B. Đề nghị

## V. Quy trình chẩn đoán xét nghiệm ký sinh trùng trang 22

## VI. Biện pháp phòng chống bệnh ký sinh trùng trang 23 -24.

## VII. Bảng số liệu điều tra tổng hợp nội dung 2 trang 25-26

- Theo tuổi bò, theo khu vực huyện

- Số liệu của các trạm thú y huyện.

Phần phụ lục : Đính kèm báo cáo các nội dung : Mổ khám, xét nghiệm nội dung 2, nội dung 3.

## **PHẦN I**

### **THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI**

1. Tên đề tài : Tình hình nhiễm giun sán trên bò Phú Yên và hiệu lực một số loại thuốc tẩy giun sán trên bò .

2. Thời gian thực hiện : 1 năm từ tháng 11 năm 2005 đến tháng 11 năm 2006.

3. Cấp quản lý : Tỉnh Theo Quyết định 2552/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Yên.

4. Kinh phí : 91.147.000 đ (Chín mươi một triệu một trăm bốn mươi bảy ngàn đồng).

Chủ nhiệm đề tài :

- Họ và tên : Đặng Minh Nho

- Học vị : Bác sĩ thú y

- Chức vụ : Cán bộ kỹ thuật , phòng Kỹ thuật Chi cục Thú y Phú Yên

- Điện thoại : 822302

Cơ quan chủ trì đề tài : Chi cục Thú y Phú Yên

- Điện thoại : 823276

- Địa chỉ : 48B Quốc lộ I Tp. Tuy Hoà

7. Cơ quan chủ quản : Sở khoa học và công nghệ Phú Yên .

- Địa chỉ : 08 Trần Phú – Tp. Tuy Hoà

8. Đơn vị phối hợp thực hiện :

- Phân viện thú y miền trung Thành phố Nha Trang

- Các trạm thú y huyện , thành phố trên địa bàn tỉnh Phú Yên

## PHẦN II

### NỘI DUNG NGHIÊN CỨU ĐỀ TÀI

#### **I. Đặt vấn đề:**

Phú Yên là một tỉnh ven biển miền trung, có nền kinh tế nông nghiệp tương đối phát triển. Ngành chăn nuôi là một trong những thế mạnh của nền kinh tế nông nghiệp ở Phú Yên, trong đó nghề chăn nuôi bò phát triển rất mạnh ở những năm gần đây. Tổng đàn bò hiện nay của tỉnh xấp xỉ trên 200 ngàn con đã cung ứng sản lượng thịt bò khá lớn cho các tỉnh phía Nam. Một trong những vấn đề đáng quan tâm là tác hại của bệnh do giun sán gây ra. Giun sán hút máu bòn rút chất dinh dưỡng, gây suy nhược, giảm sức đề kháng của bò, là tiền đề cho các bệnh truyền nhiễm xâm nhập và bộc phát, làm giảm chất lượng sản phẩm thịt trên thị trường, tăng tỷ lệ tiêu tốn thức ăn. Hiện nay nhận thức của người chăn nuôi về tác hại do giun sán gây ra còn rất hạn chế, do những thiệt hại khó nhận thấy không như những bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác, nên bệnh do giun sán ký sinh gây ra ít được người chăn nuôi quan tâm. Từ trước tới nay đã có nhiều công trình nghiên cứu về thành phần loài và một số biện pháp phòng chống giun sán ký sinh ở bò Việt Nam. Các tác giả đã có nhiều công trình nghiên cứu như: Trịnh Văn Thịnh (1963), (1966) tiếp đó là công trình của các tác giả Bùi Lập (1965;1966;1967), Phan Địch Lân (1964), Đỗ Dương Thái, Trịnh Văn Thịnh (1978), Nguyễn Thị Lê (1966); Lương Văn Huân (1997), Lê Hữu Khương (2005), và một số báo cáo khoa học của Viện Thú Y Trung ương (2000,2002). Tuy nhiên cho đến nay chưa có một công trình nghiên cứu nào về tình hình nhiễm giun sán trên bò ở tỉnh Phú Yên để làm cơ sở cho việc phòng trị. Với lý do đó việc điều tra về giun sán ký sinh trên bò Phú Yên là rất cần thiết để đánh giá mức độ nhiễm giun sán trên bò, qua đó đề ra biện pháp phòng ngừa thích hợp, tuyên truyền hướng dẫn cho người chăn nuôi về tác hại và các biện pháp phòng chống bệnh giun sán trên bò. Thử nghiệm hiệu quả tẩy sạch của một số thuốc tẩy giun sán ký sinh trên bò được bán rộng rãi trên thị trường thuốc thú y để có cơ sở chọn thuốc điều trị phù hợp.

#### **II. Mục tiêu của đề tài:**

Đánh giá thực trạng tình hình nhiễm giun sán trên bò ở Phú Yên, qua đó đề ra các biện pháp phòng trị để hướng dẫn cho người chăn nuôi thực hiện. Nâng cao nghiệp vụ xét nghiệm ký sinh trùng cho cán bộ thú y huyện, lập dữ liệu nền tảng cho các đợt nghiên cứu tiếp theo.

### III. Nội dung nghiên cứu:

**1. Nội dung 1:** Điều tra tỷ lệ nhiễm giun sán trên bò bằng phương pháp mổ khám toàn diện của Viện sỹ Skrjabin.

#### Các chỉ tiêu theo dõi:

- Xác định thành phần loài giun sán ký sinh trên bò Phú Yên
- Đánh giá cường độ nhiễm giun sán trên từng cá thể bò
- Tỷ lệ nhiễm phần trăm theo loài giun sán trên bò. Theo lứa tuổi của bò

#### Phương pháp thực hiện:

Chọn mẫu ngẫu nhiên, mổ khám 100 con bò bằng phương pháp mổ khám toàn diện, được thực hiện tại lò mổ phường 3 Tp Tuy Hoà. Quan sát thu nhặt mẫu vật ở tất cả các cơ quan phủ tạng, ghi nhận nguồn gốc, tuổi, giới tính của bò và phương thức chăn nuôi.

**2. Nội dung 2:** Điều tra tỷ lệ nhiễm một số loại giun sán chủ yếu gây bệnh trên bò, ở các vùng trong tỉnh Phú Yên bằng phương pháp xét nghiệm phân.

#### Các chỉ tiêu theo dõi:

- Xác định tỷ lệ phần trăm nhiễm giun sán theo lứa tuổi bò.
- Tỷ lệ nhiễm giun sán theo từng khu vực trong tỉnh.
- So sánh, đánh giá tỷ lệ nhiễm giữa các khu vực.

#### Phương pháp thực hiện:

- Lấy mẫu phân bò ở các hộ chăn nuôi, trang trại bò trên địa bàn tỉnh, theo số lượng mẫu được duyệt xét như đề cương đã xây dựng.

- Kiểm tra trứng giun sán qua hai phương pháp lắng cặn và phù nổi, số mẫu xét nghiệm phân như sau:

**BẢNG PHÂN BỐ THU NHẬP MẪU NỘI DUNG 2**

STT	Địa điểm	Số mẫu khảo sát theo lứa tuổi bò (Tháng)				Tổng số mẫu
		Dưới 6 tháng	7 – 24 tháng	25 – 60 tháng	Trên 60 tháng	
1	Tp. Tuy Hoà	20	20	30	30	100
2	H. Sông Cầu	20	20	30	30	100
3	H. Phú Hoà	30	30	50	40	150
4	H. Sơn Hoà	30	30	50	40	150
5	H. Sông Hinh	30	30	50	40	150
6	H. Đông Xuân	40	40	70	50	200
7	H. Tuy An	40	40	70	50	200
8	H. Đông Hoà	20	20	35	25	100
9	H. Tây Hoà	20	20	35	25	100
<b>Tổng</b>		<b>250</b>	<b>250</b>	<b>420</b>	<b>330</b>	<b>1.250</b>

**3. Nội dung 3:** Đánh giá hiệu quả một số loại thuốc tẩy giun sán trên bò.

**Các chỉ tiêu theo dõi:** Tỷ lệ tẩy sạch sau khi điều trị.

**Phương pháp thực hiện:**

Đã xét nghiệm 250 mẫu phân bò ở một số trại nuôi bò có số lượng bò sấp xỉ 50 con ở hai huyện (Đông Hoà và Phú Hoà ) bằng phương pháp đếm trứng Stoll. Lựa chọn những con bò có mức độ nhiễm giun sán từ trung bình trở lên, tương đồng về thể trọng, lứa tuổi phân thành 3 lô ( mỗi lô 5 con) dùng 3 loại thuốc tẩy : Lô I : Bio xinil; Lô II: Vimectin; Lô III: Alben-Bio (viên).

**4 Phương pháp nghiên cứu, tiếp cận của đề tài:**

*4.1. Phương pháp mổ khám toàn diện của Viện sĩ Skrjabin:*

Chọn mẫu ngẫu nhiên trong số bò được giết mổ tại lò mổ.

Quan sát dưới da, kiểm tra mắt, niêm mạc mắt, lưỡi...

a. Cơ quan tiêu hoá: Tách riêng từng bộ phận của cơ quan tiêu hóa cho vào xô hoặc chậu, quan sát mặt ngoài để tìm ấu trùng, giun trưởng thành và Cyst. Toàn bộ chất chứa được thu giữ để làm phương pháp lắng gạn. Các cơ quan sau khi đã thu chất chứa cần vuốt niêm mạc và kiểm tra toàn bộ các cơ quan này, thu lượm giun, gan cần cắt dọc theo các ống dẫn mật và túi mật để tìm sán hoặc giun, quan sát mật gan, sau đó cắt nhỏ hoặc bóp nát, ngâm trong nước muối sinh lý 10 đến 20 phút. Lắng gạn tìm ký sinh; tuyến tụy làm giống gan. Các chất chứa được kiểm tra bằng từng đĩa petri cho đến khi xong hết toàn bộ các chất chứa để thu lượm giun.

b. Cơ quan hô hấp: Quan sát kỹ mặt phổi, phế nang, kiểm tra khí quản, phế quản. Thu lượm giun, sán. Sau khi kiểm tra xong cũng bóp nát phổi làm phương pháp lắng gạn.

c. Cơ quan sinh dục tiết niệu: Kiểm tra lớp mỡ xung quan thận, ống dẫn niệu để tìm giun thận, kiểm tra bàn quang niệu đạo, chất chứa trong bàng quang làm phương pháp lắng gạn.

d. Hệ thần kinh tủy sống: Kiểm tra các dịch khớp xương, tủy xương để tìm các ấu trùng của côn trùng, kiểm tra não bộ tìm ấu trùng sán dây.

e. Hệ tuần hoàn: Quan sát mặt tim tìm tìm gạo, bỏ đôi tim quan sát nội tâm mạc để tìm giun chí. Cần kiểm tra thêm các xoang bụng, xoang phế mạc và các nốt hay tổ chức xơ xung quanh động mạch, phổi và ruột để tìm giun chí ký sinh trong các xoang và các tổ chức.

f. Hệ cơ và da: Quan sát tổ chức dưới da, nếu có những hạt hay khối u cần cắt ra để kiểm tra ấu trùng và một số giun chí bên trong. Quan sát cơ vân, cơ trơn bằng mắt thường để tìm Cysticercus và Sarcocys hay các dạng cyst của nguyên bào.

Toàn bộ số giun sán sau khi thu nhặt, được đem về chi cục để phân loại, định danh và đưa vào dung môi bảo quản theo từng loài. Số lượng giun sán được ghi vào sổ mổ khám, nơi ký sinh.

4.2. Phương pháp xét nghiệm phân (định tính):

Phương pháp phù nổi (Willis) để tìm trùng giun tròn, sán lá tuyến tụy

Phương pháp lắng gạn ( Sedimentation method) dùng để kiểm tra sán lá, đặc biệt sán lá gan.

4.3. Phương pháp xét nghiệm phân Stoll định lượng trùng giun sán trong một gam phân, xác định mức độ nhiễm nặng hoặc nhẹ.

Phương pháp Stoll	Số trứng đếm được/1g phân		
	Nhẹ	Trung bình	Nặng
Nhiễm hỗn hợp	50 – 200	200 – 800	> 800
Mức độ nhiễm	+	++	+++

4.4. Phương pháp xử lý số liệu:

Dùng phần mềm Ecell để xử lý số liệu

Công thức tính tỷ lệ phần trăm : Tỷ lệ % =  $\frac{\text{Số bò nhiễm}}{\text{Số bò khảo sát}} * 100$

Hiệu quả tẩy sạch % =  $\frac{\text{Số bò được tẩy sạch}}{\text{Số bò được tẩy}} * 100$

Dùng trắc nghiệm  $X^2$  (Chi square) so sánh các tỷ lệ nhiễm. Kiểm định sự phù hợp, sự độc lập hay phụ thuộc, so sánh hai tỷ lệ quan sát với nhau, trong trường hợp mẫu lớn ( Tất cả tầng số lý thuyết  $\geq 5$  ). Dựa vào mức độ khác biệt giữa các  $O_i$  và  $E_i$

Đặt giả thuyết  $H_0$  : Giữa các kết quả quan sát ( các tỷ lệ quan sát) (  $O_i$  ) phù hợp ( tương đương) với tần số lý thuyết (  $E_i$  )

$O_i$  : Tầng số quan sát hay tỷ lệ quan sát

$E_i$  : Tầng số lý thuyết hay tỷ lệ lý thuyết

Công thức :  $X^2_m = \sum \left[ \frac{(O_i - E_i)^2}{E_i} \right]$

$X^2_m < X^2_{0.05}$  : Chấp nhận giả thuyết sự khác biệt giữa các kết quả quan sát ( các tỷ lệ quan sát ) và tỷ lệ lý thuyết không có ý nghĩa với  $p > 0.05$

$X^2_m > X^2_{0.05}$  : Bác bỏ giả thuyết. Tần số quan sát và lý thuyết không phù hợp nhau hay sự khác biệt giữa tỷ lệ quan sát và tỷ lệ lý thuyết có ý nghĩa với  $p < 0.05$ . Dựa vào bảng phân phối  $X^2_{0.05}$  theo độ tự do  $v = k - 1$  (  $k$  là cặp so sánh ) để biết xác suất bác bỏ.

### PHẦN III KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

**1. Nội dung 1:** Tiến hành mổ khám bò ở lò mổ chúng tôi tìm được 3 lớp giun sán ký sinh trên bò Phú Yên được phân loài như sau :

*1.1 Phân loại định danh:* Qua mổ khám 100 bò chúng tôi tìm được 16 loài giun sán ký sinh trong bò Phú Yên được trình bày ở bảng 1:

**Bảng 1: Thành phần giun sán ký sinh**

STT	Tên loài giun sán	Vị trí ký sinh	Tên thường gọi
01	<i>Fasciola gigantica</i> (Cobbold, 1885)	Ông mật	Sán lá gan
02	<i>Paramphistomum cervi</i> (Schrank, 1790)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
03	<i>Fischöderius elongatus</i> (Poirier, 1883)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
04	<i>Fischöderius japonicus</i> (Fukui, 1922)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
05	<i>Paramphistomum liorchis</i> (Fischöder, 1901)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
06	<i>Ceylonocotyle scolicoelium</i> (Fischöder, 1901)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
07	<i>Calicophoron calicophorum</i> (Fischöder, 1901)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
08	<i>Gigantocotyle bathycotyle</i> (Fischöder, 1901)	Dạ cỏ	Sán lá dạ cỏ
09	<i>Homalogaster paloniæ</i> (Poirier, 1882)	Ruột già	Sán lá dạ cỏ
10	<i>Eurytremia pancreatica</i> (Janson, 1889)	Tuyến tụy, ruột non	Sán lá tuyến tụy
11	<i>Eurytremia coelomaticum</i> (Giard et Billet, 1892)	Tuyến tụy, ruột non	Sán lá tuyến tụy
12	<i>Moniezia expansa</i> (Rudolphi, 1810)	Ruột non	Sán dây
13	<i>Mecistocirrus digitatus</i> (Linstow, 1906)	Dạ mũi khê	Giun xoắn dạ mũi khê
14	<i>Trichocephalus sp</i>	Ruột già	Giun tóc
15	<i>Oesophagostomum (B) radiatum</i> (Rudolphi, 1803)	Ruột già	Giun kết hạt
16	<i>Setaria digitata</i>	Xoang bụng	Giun chi

Phân loại ký sinh trùng theo các khoá phân loại của Nguyễn Thị Lê (1996), Giáo trình giảng dạy Ký sinh trùng của Lương Văn Huân, Lê Hữu Khương (1996) được trình bày ở bảng 2.



**BẢNG 2 : PHÂN LOẠI ĐỊNH DANH GIUN SÁN TRÊN BÒ PHÚ YÊN**

PHÂN BỘ	HỌ	PHÂN HỌ	GIỐNG	LOẠI
FASCIOLATA	FASCIOLIDAE	FASCIOLINAE (Sán lá gan)	Fasciola	<i>Fasciola gigantica</i>
DICROCOELIATA	DICROCOELIIDAE	DICROCOELIIDAE	Eurytrema	<i>E. pancreaticum</i> <i>E. coelomaticum</i>
PARAMPHISTOMATA	PARAMPHISTOMATIDAE GASTROTHYLACIDAE	PARAMPHISTOMATINAE (Sán lá dẻ)	Paramphistomum	<i>P. cervi</i> <i>P. lorchis</i>
			Calicophorum	<i>C. calicophorum</i>
			Ceylonocotyle	<i>C. scoliocoelium</i>
			Homalogaster	<i>H. palomiae</i>
			Giantocotyle	<i>G. bathycotyle</i>
			Fischoederias	<i>F. elongatus</i> <i>F. japonicus</i>
ANOPLOCEPHALATA	ANOPLOCEPHALIDAE	ANOPLOCEPHALINAE (Sán dẻ)	Moniezia	<i>M. expansa</i>
TRICHOCEPHALATA	TRICHOCEPHALIDAE	TRICHOCEPHALINAE	Trichocephalus	<i>Trichocephalus sp</i>
STRONGYLIDA	TRICHONEMATIDAE	OESOPHAGOSTOMATINAE	Oesophagostomum	<i>O. (B.) radiatum</i>
FILARIINA	FILARIIDAE		Setaria	<i>Setaria digitata</i>
STRONGYLIDA	TRICHOSTRONGYLIDAE	NEMATODRINAE	Mecistocirrus	<i>M. digitatus</i>

*1.2 Tỷ lệ nhiễm và cường độ nhiễm giun sán trên bò mô khám:*

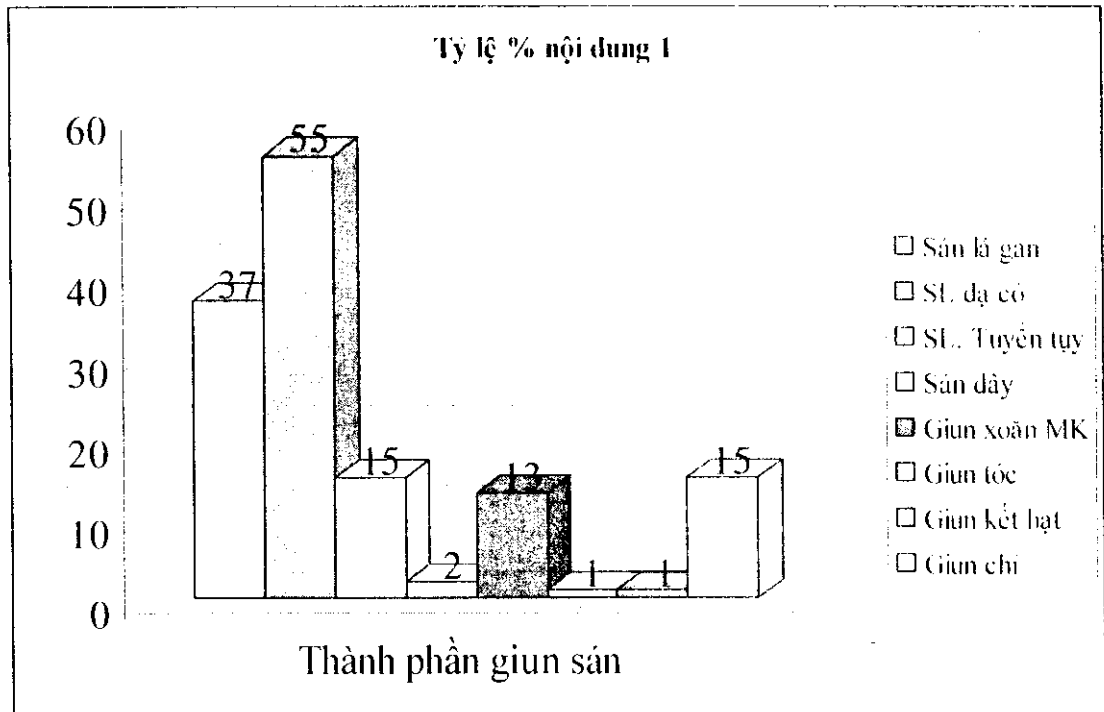
Đi sâu vào nội dung này, chúng tôi tiến hành mô khám 100 bò tại lò mổ phường 3 TP. Tuy Hoà, thu nhập mẫu giun sán, có tới 76 con có nhiễm giun sán chiếm tỷ lệ 76%. Tỷ lệ và cường độ nhiễm giun sán ký sinh trên bò. Kết quả được trình bày ở bảng 3:

**BẢNG 3: TỶ LỆ VÀ CƯỜNG ĐỘ NHIỄM GIUN SÁN Ở BÒ MÔ KHÁM**

T	Tên loài giun sán	Vị trí ký sinh	Số bò nhiễm	Số bò mô khám	Tỷ lệ nhiễm (%)	Cường độ nhiễm (X ± SE)
01	<i>Fasciola gigantica</i>	Ông mật	37	100	37,00	26 ± 8,08
02	<i>Paramphistomum spp</i>	Dạ cỏ	55	100	55,00	777.15 ± 231.43
03	<i>Eurytrema sp</i>	Tuyến tụy ruột non	15	100	15,00	30.87 ± 12.11
04	<i>Moniezia expansa</i>	Ruột non	2	100	2,00	4.50 ± 2.50
05	<i>Mecistocirrus digitatus</i>	Múi khế	13	100	13,00	35.69 ± 15.99
06	<i>Oesophagostomum (B) radiatum</i>	Ruột già	1	100	1,00	95
07	<i>Trichocephalus sp</i>	Ruột già	1	100	1,00	8
08	<i>Setaria digitatu</i>	Xoang bụng	15	100	15,00	3.27 ± 0.54

Ghi chú: Loài sán lá gan *Fasciola gigantica* có khả năng lây nhiễm cho người (khoa học kỹ thuật thú y, tập VIII. Số 1-2001) . Sán trưởng thành hút 0,2 ml máu bò/sán trong một ngày đêm.

## BIỂU ĐỒ TỶ LỆ NHIỄM THEO LOẠI QUA MỒ KHÁM



Qua kết quả trên chúng tôi có nhận xét và đánh giá sau:

Đối với loài sán lá gan, sán lá dạ cỏ có tỷ lệ nhiễm cao nhất so với các loài giun sán khác, tỷ lệ nhiễm sán lá gan là (37%), sán lá dạ cỏ (55%), sán lá tuyến tụy (15%). Sán lá dạ cỏ có tỷ lệ nhiễm và cường độ nhiễm cao hơn sán lá gan, sán lá tuyến tụy. Những con bò nhiễm nặng thường có từ 5.000 đến 10.000 sán dạ cỏ, làm cho con vật đi tả hoặc tháo, niêm mạc nhợt nhạt do thiếu máu, phù thũng ở những phần thấp của cơ thể. Dạ cỏ, dạ lá sách có thể giảm nhu động và bị nghẽn dạ lá sách, mổ khám có nhiều sán bám vào niêm mạc dạ cỏ, và các dạ khác làm cho niêm mạc viêm loét chảy máu, xoang bụng có dịch nhờn màu hồng, có nhiều sán non ở niêm mạc và các cơ quan khác. Niêm mạc tăng sinh dày lên sau đó hoại tử, hạch lâm ba thoái hoá, túi mật sưng to.